

# TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUI TRÌNH SẢN XUẤT RAU AN TOÀN Ở XÃ VÂN NỘI, HUYỆN ĐÔNG ANH, NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

Current situation of technology application for safe vegetable production in Vannoi  
commune, Donganh district, Hanoi suburb

Bùi Thị Gia<sup>1</sup>

## SUMMARY

*Based on the surveying of safe vegetable growing in 51 households in VanNoi commune, Dong Anh district, Hanoi suburb, the article provides the information about the fertilizer and pesticide utilizing for safe vegetable production. The utilized amounts have been compared with the technological standard to assess its impact on the vegetable quality. The quality control is one of the reasons influencing the vegetable quality was also analyzed. According to analyze of the current situation of input use, some recommendations was also given to strengthen the safe vegetable production in Hanoi.*

**Key words:** production technology, quality control, safe vegetable

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hà Nội đã triển khai chương trình rau an toàn (RAT) hơn 10 năm, đến nay sản xuất rau an toàn đã đạt được những thành tựu nhất định, diện tích RAT ngày càng mở rộng, hệ thống lưu thông phân phối đã hình thành, người tiêu dùng Hà Nội ngày càng quen với khái niệm RAT. Tuy nhiên, qui trình thực hiện sản xuất, cũng như chất lượng rau an toàn đang có nhiều vấn đề còn tồn tại, cần phải khắc phục. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm mục đích đánh giá hiện trạng thực hiện qui trình sản xuất RAT của nông dân và đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện triệt để qui trình sản xuất.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành tại xã Vân Nội, huyện Đông Anh, là vùng trọng điểm sản xuất RAT của Hà Nội. Trong 5 thôn và một khu phố của xã Vân Nội, 3 thôn: Ba Chũ, thôn Đầm, và thôn Đông Tây đã được chọn để nghiên cứu.

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp hộ sản xuất RAT với mẫu câu hỏi soạn thảo trước. Tổng số hộ điều tra là 51 hộ, trong đó 35 hộ sản xuất rau trong nhà lưới và 16 hộ sản xuất rau ngoài đồng. 8 loại rau đã được chọn để nghiên cứu. Số liệu trong nghiên cứu là số liệu điều tra vụ rau đông xuân 2003/2004.

Số liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả với sự trợ giúp của phần mềm Excel. Kết quả xử lý được so sánh với các tiêu chuẩn của qui trình sản xuất RAT do Sở Khoa học & Công nghệ ban hành năm 2000 và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất rau an toàn của Cục Khuyến nông Hà Nội (Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn) ban hành năm 2005.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Mức tuân thủ qui định sử dụng phân bón

Số liệu ở bảng 1 cho thấy, các hộ sử dụng phân bón không cân đối, ít phân hữu cơ, nhiều phân đạm và lân, không chú ý phân kali. Có

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế & PTNT, Trường ĐH Nông nghiệp I

tới 75% (6/8 loại rau) bón ure nhiều hơn qui trình, đặc biệt cao ở tỏi tây và bắp cải tím. Đây là nguy cơ tiềm ẩn về hàm lượng nitrat cao trong rau.

**Bảng 1. Tình hình thực hiện qui định phân bón đối với sản xuất RAT của các hộ điều tra (kg/ha)**

Các loại rau	Phân hữu cơ			Ure			Super lân			Kali Clorua		
	Qui trình*	Thực hiện	Chênh lệch	Qui trình*	Thực hiện	Chênh lệch	Qui trình*	Thực hiện	Chênh lệch	Qui trình*	Thực hiện	Chênh lệch
Cải làn	13000	3654	-9346	235	208	-27	375	254	-121	100	24	-76
Cần tây	15000	4232	-10768	140	286	+146	200	541	+341	90	16	-74
Tỏi tây	15000	1728	-13272	220	955	+735	550	653	+103	220	34	-186
Bắp cải tím	25000	23400	-1600	220	423	+203	90	585	+495	75	99	+24
Cải bó xôi	20000	2732	-17268	140	170	+30	200	302	+102	85	11	-74
Cải ngọt	20000	2099	-17901	110	256	+146	220	212	-8	55	0	-55
Cải canh	20000	2698	-17302	100	206	+106	220	131	-89	50	0	-50
Cà chua	25000	13500	-11500	180	162	-18	90	270	+180	190	120	-70

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra vụ đông xuân 2003/2004

\*: Qui trình sản xuất rau an toàn ban hành năm 2000 và 2004

### 3.2. Mức độ thực hiện qui định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

Thực hiện triệt để qui định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và thời gian cách ly là yếu tố quan trọng góp phần làm cho rau an toàn. Theo qui định, các loại thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng cho rau an toàn phải là các loại thuốc ít độc hại, có nguồn gốc thảo mộc hoặc thuốc hoá học phân giải nhanh. So sánh các loại thuốc nông dân sử dụng với danh sách các loại thuốc khuyến cáo được phép sử dụng trong sản xuất RAT do Cục Bảo vệ thực vật đưa ra (Đào Duy Tâm, 2004) và trong các qui trình sản xuất rau an toàn thì nông dân vẫn sử dụng các loại thuốc không trong danh sách cho phép sử dụng. Có 46,61% ý kiến sử dụng các loại thuốc không trong danh sách khuyến cáo (bảng 2). 2,25% ý kiến đã sử dụng

wofatox để phun cho rau, mặc dù đây là loại thuốc đã bị cấm sử dụng. Tuy tỉ lệ này thấp nhưng điều này cho thấy người sản xuất vẫn chưa ý thức đầy đủ sự nguy hiểm của vấn đề sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thuộc các nhóm độc hại mạnh.

Việc thực hiện thời gian cách ly trước khi thu hoạch sản phẩm ảnh hưởng đến dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên rau. Nghiên cứu đã cho thấy người sản xuất nhìn chung đã đảm bảo thời gian cách ly theo yêu cầu đề ra của qui trình sản xuất (bảng 3). Hầu hết các hộ đều thu hoạch rau sau phun thuốc BVTV từ 10-14 ngày, nhưng vẫn có trường hợp như cây cà chua, chỉ sau 7 ngày phun thuốc, hộ đã thu hoạch. Như vậy, thời gian cách ly bao lâu vẫn chưa trở thành nguyên tắc của người sản xuất.

**Bảng 2. Số ý kiến sử dụng các loại thuốc BVTV của các hộ điều tra**

Loại thuốc bảo vệ thực vật	Số ý kiến có sử dụng (ý kiến)	Tỷ lệ (%)
Sherpa	6	4,51
Bassa *	8	6,02
Padan *	25	18,80
Basudin *	4	3,01
Trebon 10 EC	3	2,26
Bi 58 *	2	1,50
Monitor *	0	0,00
Wofatox *	3	2,26
Thuốc trừ sâu sinh học, BT	21	15,79
Thuốc thảo mộc	13	9,77
Nomolt 5 EC	5	3,76
Sumicidin 10 EC	3	2,26
Ridomilz 72 wp	0	0,00
Zinep 80 wp	4	3,01
Mancoceb	3	2,26
Validacin 3DD	7	5,26
Anvil 5 SC	3	2,26
Score 250 ND	1	0,75
Rovral 50 wp	2	1,50
Leotocin *	8	6,02
Thuốc nấm tàu *	9	6,76
Rembát *	3	2,26
Tổng số ý kiến	133	100

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra vụ đông xuân 2003/2004

Ghi chú \*: Các loại thuốc không có trong danh sách khuyến cáo

**Bảng 3. Thực hiện thời gian cách ly phun thuốc BVTV trước khi thu hoạch của các hộ điều tra**

ĐVT: ngày

Loại rau	Quy trình *	Thực hiện
Cải làn		10
Cần tây	Từ 7- 10 ngày tùy loại thuốc	12
Tỏi tây		12
Bắp cải tím		11
Cải bó xôi		14
Cải ngọt		11
Cải canh		13
Cà chua		7

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra vụ đông xuân 2003/2004

\*: Quy trình sản xuất rau an toàn ban hành năm 2000 và 2005

Việc quyết định phun thuốc BVTV vẫn còn theo phương pháp cũ, có 39,19% số hộ phun thuốc theo phương pháp phun định kỳ, có tới 59,46% hộ quyết định phun thuốc khi thấy có sâu bệnh không tính đến ngưỡng sâu bệnh để phun thuốc. Số hộ phun theo sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật chiếm tỉ lệ nhỏ 1,35% (bảng 4).

**Bảng 4. Quyết định phun thuốc trừ sâu cho rau của các hộ điều tra**

Quyết định phun thuốc	Tỉ lệ hộ (%)
Phun định kỳ	39,19
Thấy có sâu thì phun	59,46
Phun theo sự hướng dẫn của cán bộ BVTV	1,35

*Nguồn:* Tổng hợp từ số liệu điều tra vụ đông xuân 2003/2004.

### 3.3. Giống đối với sản xuất rau an toàn

Giống rau sử dụng trong sản xuất hiện nay có nguồn gốc từ 3 nguồn: giống nhập nội, giống sản xuất từ địa phương và giống sản xuất từ các cơ sở trong nước. Phần lớn các giống rau họ thập tự, họ hành tỏi được nhập nội và giá rất cao. Một số giống như cải xanh, cà chua, đậu rau được sản xuất trong nước và một phần nhập của các công ty nước ngoài (Trần Khắc Thi, 2003).

Kết quả điều tra cho thấy 100% số hộ sử dụng giống nhập từ Nhật, Pháp, Thái Lan và Đài Loan. Các hộ thường mua hạt giống ở các cửa hàng bán lẻ hạt giống tại địa bàn Đông Anh (73,17% số hộ), mua từ HTX dịch vụ (14,63% số hộ), ở Công ty Giống cây trồng Hà Nội (7,32% số hộ) và của nhà (4,88% số hộ). Như vậy, nguồn cung cấp giống cho sản xuất RAT thu hoạch đã đảm bảo tin cậy. Nhưng việc xử lý giống trước khi gieo trồng chưa được các hộ quan tâm, họ chưa nhận thức được sự cần thiết của công đoạn này là để tiêu diệt mầm bệnh, tạo điều kiện cho cây con phát triển khỏe mạnh ngay từ đầu để có sức chống chịu sâu bệnh.

### 3.4. Khâu tưới nước cho rau an toàn

Nước tưới cho RAT cơ bản đảm bảo từ nguồn nước sạch, 94,74% số hộ lấy nước tưới

từ giếng khoan, còn lại 5,26% lấy nước từ hệ thống thủy lợi là nước phù sa sông Hồng.

Tuy nhiên, nguồn nước tưới từ hệ thống mương máng thủy lợi có nguy cơ bị ô nhiễm do cỏ dại che kín lòng mương gây tù đọng nước và do người sản xuất đã vứt bừa bãi chai lọ bao bì đựng thuốc trừ sâu trên bờ ruộng hoặc dưới lòng mương.

Tình trạng nêu trên đáng được quan tâm khắc phục bằng tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức tự giác của người sản xuất, tạo cho họ có thói quen xả rác đúng nơi qui định. Mặt khác cần thường xuyên vệ sinh mương dẫn nước tưới.

### 3.5. Thực hiện các qui định khác

Một trong những yêu cầu về trồng rau an toàn trong nhà lưới là sau một năm sản xuất thì đất phải được bón vôi và ngâm nước từ 4-7 ngày để diệt mầm sâu bệnh hoặc phải luân canh với lúa. Thực hiện qui định này đối với diện tích nhà lưới là khó khăn, không thuận tiện cho việc canh tác như đối với diện tích ngoài trời.

### 3.6. Vấn đề kiểm tra chất lượng rau an toàn

#### *Những nỗ lực của Nhà nước cho vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm*

Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP), trong đó đặc biệt là nghị định 86/CP của Chính phủ về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa. Bộ Y tế đã biên soạn 24 văn bản pháp luật về quản lý chất lượng, VSATTP; 8 văn bản qui phạm pháp luật về qui định kỹ thuật kiểm nghiệm chất lượng VSATTP; ban hành 4 thông tư liên tịch với Bộ Khoa học Công nghệ và các Bộ liên quan về soạn thảo pháp lệnh VSATTP (Đào Duy Tâm, 2004). Năm 2004 pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm đã được ban hành, là văn bản pháp lý cao nhất qui định nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân và tổ chức tham gia sản xuất và kinh doanh lương thực thực phẩm.

### **Vấn đề tổ chức thanh tra kiểm tra chất lượng rau an toàn**

Ngày 20 tháng 8 năm 2004 UBND thành phố Hà Nội đã ra quyết định số 130/2004/QĐ-UB về việc ban hành “Qui định tạm thời về quản lý sản xuất, kinh doanh rau an toàn trên địa bàn thành phố Hà Nội”. Tuy đã có những qui định về vấn đề thanh tra, kiểm tra chất lượng RAT nhưng trong thực tế triển khai thực hiện vấn đề này còn chưa đảm bảo như qui định. Theo qui định thì mỗi năm cần kiểm tra chất lượng sản phẩm 2-3 lần, nhưng điều tra các hộ sản xuất RAT ở Ván Nội thì có rất ít số hộ có cán bộ đến kiểm tra chất lượng rau và không phải là 2-3 lần như qui định mà chỉ có một lần trong năm.

Về vấn đề giấy phép sản xuất RAT, điều tra thì có rất ít hộ có giấy phép sản xuất RAT, trừ các hộ thuộc HTX Đạo Đức mới thành lập, mỗi hộ đều được cấp mã vạch cho sản phẩm của gia đình mình. Với mã vạch này có thể dễ dàng lần tìm lại nguồn gốc của rau khi cần thiết như khi cần giải quyết vấn đề ngộ độc do ăn rau.

Nhìn chung, vấn đề kiểm tra chất lượng sản phẩm chưa thường xuyên và chưa có biện pháp xử lý đối với rau không đạt tiêu chuẩn an toàn.

## **4. GIẢI PHÁP CHO PHÁT TRIỂN RAU AN TOÀN**

### **4.1. Thực hiện triệt để qui trình kỹ thuật sản xuất RAT**

Hai yếu tố quan trọng quyết định chất lượng RAT đó là sử dụng hợp lý phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Nếu lấy qui trình làm tiêu chuẩn để đánh giá vấn đề này thì như đã phân tích ở phần thực trạng cho thấy mức bón phân đạm cho hầu hết các cây rau đều vượt mức qui định trong qui trình. Vấn đề thực hiện qui định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục thuốc cho phép sử dụng cho rau chưa triệt để.

Nguyên nhân của những vấn đề nêu trên một mặt là do còn có hộ chưa được tập huấn

về trồng rau an toàn, mới có 60,98% số hộ điều tra được tham dự các lớp tập huấn về trồng rau an toàn. Trong thực tế có hộ được tập huấn 3-4 lần, trong khi đó có hộ chưa bao giờ được tập huấn. Mặt khác tuy đã được tập huấn nhưng thói quen tùy tiện trong sử dụng phân bón cho rau vẫn còn tồn tại, họ vẫn sử dụng phân bón theo cảm tính, sử dụng phân bón không cân đối, ít phân hữu cơ, nhiều đạm, ít chú ý kali. Nếu chưa giải quyết được tình trạng sử dụng phân bón như trên sẽ còn nguy cơ dẫn đến rau không bảo đảm an toàn. Do vậy, cần có một số giải pháp như sau: *Thứ nhất*, nâng cao mặt bằng nhận thức về RAT và sản xuất RAT của người sản xuất. Giải pháp cho vấn đề này là tăng cường các lớp tập huấn về trồng RAT cho nông dân để tất cả các hộ chuyển sang sản xuất rau an toàn và RAT nhà lưới đều được tham gia và có giấy chứng nhận đã qua lớp tập huấn kỹ thuật trồng rau an toàn. Khi tổ chức các lớp tập huấn cần quan tâm đến các hộ đang có nhu cầu chuyển sang sản xuất RAT. *Thứ 2*, thực hiện tốt chế độ luân canh cây trồng và xử lý đất để hạn chế sâu bệnh. Thêm nữa, các hộ cần phun thuốc theo sự hướng dẫn của cán bộ khuyến nông, đồng thời Nhà nước cần quản lý chặt chẽ việc lưu hành và kinh doanh thuốc trừ sâu, sản xuất và cung cấp nhiều thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc cho nông dân. *Thứ 3*, nhanh chóng tiếp cận với phương pháp quản lý chất lượng nội bộ như tổ chức chứng nhận chất lượng rau hữu cơ của Thái Lan (ACT) đã làm đối với người trồng rau hữu cơ. *Thứ 4*, tiêu chuẩn hóa phẩm cấp sản phẩm thu hoạch như kích thước quả, thân ... của RAT.

### **4.2. Giữ vệ sinh nguồn nước tưới**

Hiện nay hệ thống mương tưới của xã chưa được kiên cố hóa, cỏ cây che lấp lòng mương làm cho nước bị tù đọng, rác sinh hoạt, vỏ chai lọ và túi đựng thuốc trừ sâu vẫn bị vớt bừa bãi trên bờ ruộng và dưới lòng mương. Để khắc phục tình trạng này cần có kế hoạch kiên cố hóa hệ thống kênh mương, nâng cấp đường nội đồng, qui định nơi bỏ bao bì đựng thuốc BVTV.

### 4.3. Cần có tổ chức kiểm tra và chứng nhận chất lượng RAT hoạt động độc lập

Kinh nghiệm của các nước về quản lý chất lượng sản phẩm cho thấy ở các nước đã phát triển như châu Âu, kiểm tra chất lượng sản phẩm là nhiệm vụ bắt buộc. Người kiểm tra và chứng nhận chất lượng sản phẩm phải là một tổ chức hoặc một công ty chuyên nghiệp (Bách Quốc Mạnh, 2000). Người sản xuất muốn được công nhận sản phẩm an toàn phải đăng ký kiểm tra chất lượng với tổ chức hoặc công ty chuyên trách này. Hiện nay ở Pháp có Hội đồng quốc gia về nông nghiệp hữu cơ, hội đồng này cho phép các tổ chức kiểm tra của Pháp được hoạt động kiểm tra các nông dân sản xuất hữu cơ (Laurent Dini, 2002). Ở Đức, kiểm tra chất lượng sản phẩm hữu cơ do các công ty kiểm tra chất lượng thực hiện. Ở Thái Lan tổ chức ACT (Organic Agricultural Certificate Thailand) được quyền kiểm tra và chứng nhận chất lượng rau hữu cơ cho người sản xuất (Laurent Dini, 2002).

Để xúc tiến việc kiểm tra chất lượng RAT một cách có hiệu lực và hiệu quả trên địa bàn thành phố nói riêng và trên địa bàn cả nước nói chung, cần học tập kinh nghiệm của các nước và sớm cho ra đời các tổ chức hoặc công ty hoạt động độc lập, công minh, có hiệu lực và hiệu quả trong lĩnh vực này. Người sản xuất cũng cần phải đăng ký chất lượng sản phẩm.

## 5. KẾT LUẬN

Hiện nay nguy cơ hàm lượng nitrat cao trong rau vẫn tiềm ẩn do các hộ bón ure nhiều hơn qui trình, nguy cơ mất an toàn thực phẩm rau vẫn cao do người sản xuất vẫn sử dụng các loại thuốc trừ sâu ngoài danh sách các loại thuốc cho phép và không theo kết quả điều tra sâu bệnh, thực hiện thời gian cách ly chưa triệt để.

Các qui định của qui trình sản xuất bị vi phạm phổ biến do ý thức của người sản xuất chưa cao, vì vậy tiếp tục tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý thức trách nhiệm của

người sản xuất đối với sản phẩm sản xuất ra là cần thiết. Mặt khác cần làm tốt việc đăng ký và chứng nhận sản xuất RAT đến tận hộ để khẳng định trách nhiệm của hộ đối với sản phẩm sản xuất ra.

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả và hiệu lực thanh tra, kiểm tra chất lượng RAT, nhà nước cần sớm quan tâm và cho ra đời các tổ chức kiểm tra chất lượng RAT hoạt động độc lập đứng ra cùng với người sản xuất chịu trách nhiệm trước xã hội về chất lượng rau sản xuất ra.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Laurent Dini (2002). *Quản lý chất lượng vệ sinh trong phân phối rau ở Hà Nội*, (Luận văn thạc sỹ khoa học “Phát triển nông nghiệp nhiệt đới”), Viện Nghiên cứu rau quả, năm 2002
- Bách Quốc Mạnh, Lakner Zoltan, Hajdu Istvanne (2000). *Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất và tiêu thụ thực phẩm-Một số kinh nghiệm của các nước phát triển*, Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm số 7/2000, tr.320-332
- Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường (2000). *Quyết định của Sở Khoa học Công Nghệ và Môi trường Hà Nội về việc ban hành chính thức qui trình sản xuất rau an toàn*, Hà Nội 21/12/2000.
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội (2004). *Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất rau an toàn*
- Đào Duy Tâm (2004). *Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh sản xuất sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn Hà Nội* (luận văn Thạc sỹ), Hà Nội.
- Trần Khắc Thi & cs. (2003). Tóm tắt báo cáo tổng kết đề tài “Nghiên cứu ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ để xây dựng mô hình sản xuất rau quanh năm với chất lượng cao, an toàn thực phẩm” (Mã số 01,C-05/08-2002-2), Hà Nội.

